Người ký: Trung tâm Công báo và Tin học
Email: ttcbth@quangngai.gov.vn
Cơ quan: Văn phòng Ủy ban Nhân dân, Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 08.02.2023 11:01:08 +07:00

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 08/02/2023 10:43:13

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21 /KH-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 02 năm 2023*

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030", Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Kế hoạch) như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

2. Mục tiêu đến năm 2025

a) Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hằng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 50% học sinh, học viên và 100% nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm, kỹ năng) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến:

+ Triển khai thống nhất một số nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 50% học sinh sử dụng;

+ Hình thành kho học liệu trực tuyến của tỉnh (có thể kết nối đến kho học liệu trực tuyến quốc gia) đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho trên 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông.

+ Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở cấp tiểu học, 10% ở cấp trung học.

b) Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch công trực tuyến thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

+ 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất toàn quốc;

+ 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: Triển khai sử dụng hiệu quả Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục theo chuẩn đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trong đó:

+ Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia;

+ Các cơ quan quản lý giáo dục được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 90% hồ sơ công việc tại cấp sở; 80% hồ sơ công việc tại cấp phòng được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật);

+ Quản lý hệ thống thông tin toàn ngành giáo dục theo mô hình cấp tỉnh và kết nối liên thông với hệ thống Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân:

+100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán);

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 60%;

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trên 80%;

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trên 80%.

- Về hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia hằng năm: 100% cơ sở giáo dục tích cực tuyên truyền, thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số.

3. Mục tiêu đến năm 2030

Đưa tất cả thành tố của hệ thống giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên vào môi trường số, trong đó:

- Hoàn thiện một nền tảng dạy và học trực tuyến của tỉnh tích hợp kho học liệu số, hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên;

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

II. CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Theo Phụ lục 1, 2 đính kèm.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nhu cầu kinh phí

Dự kiến tổng kinh phí đầu tư cho 2 giai đoạn 2023-2025 và 2026-2030 là: 108.540.000.000 đồng. Trong đó: Giai đoạn 2023-2025: 28.540.000.000 đồng, Giai đoạn 2026-2030: 80.000.000.000 đồng.

2. Nguồn kinh phí: Ngân sách Nhà nước (chi đầu tư và chi thường xuyên); kinh phí tự cân đối và huy động hợp pháp khác của các đơn vị thuộc đối tượng tham gia Kế hoạch.

3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng kinh phí

a) Bảo đảm tiết kiệm, minh bạch, đúng pháp luật, chống tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

b) Khuyến khích huy động nguồn kinh phí huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; tăng cường sử dụng nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án liên quan đã được phê duyệt và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện nhiệm vụ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

b) Hằng năm căn cứ Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp các nhiệm vụ tại Kế hoạch này chung trong Kế hoạch xây dựng chính quyền điện tử, phát triển Chính quyền số của tỉnh để lập dự toán kinh phí gửi Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt để triển khai thực hiện Kế hoạch.

c) Tăng cường theo dõi, kiểm tra và định kỳ hằng năm đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo; tổng kết tình hình thực hiện vào năm 2025 và năm 2030..

d) Tiếp nhận và tổng hợp các kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch để đề xuất UBND tỉnh xem xét chỉ đạo giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chủ động phát hiện những ý tưởng, giải pháp đổi mới, sáng tạo để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan để tổ chức, triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm mục tiêu, thời gian, lộ trình đã xác định.

2. Sở Tài chính

Hằng năm, trên cơ sở dự toán thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này và Kế hoạch xây dựng chính quyền điện tử, phát triển Chính quyền số của tỉnh do các Sở, ban, ngành lập, Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên để thực hiện theo khả năng cân đối ngân sách và phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác truyền thông, hỗ trợ các địa phương, cơ sở giáo dục ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong

hoạt động giáo dục và các nội dung, nhiệm vụ có liên quan tại Kế hoạch này.

c) Định hướng, phối hợp với các doanh nghiệp Viễn thông, doanh nghiệp chuyển đổi số đảm bảo về hạ tầng số, có chính sách ưu đãi, hỗ trợ phục vụ phát triển chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo.

d) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin phục vụ triển khai thực hiện Kế hoạch.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu cấp thẩm quyền bố trí vốn đầu tư công hàng năm cho các dự án chuyển đổi số thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp thẩm quyền quyết định

5. Công an tỉnh

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin phục vụ triển khai Kế hoạch.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể của Kế hoạch theo từng năm và từng giai đoạn phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương;

b) Cân đối, bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đảm bảo cho việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch. Có giải pháp tăng cường nguồn lực bảo đảm điều kiện chuyển số trong các cơ sở giáo dục thuộc quyền quản lý;

c) Hằng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch, tổ chức đánh giá sơ kết và tổng kết theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai, thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND tỉnh *(thông qua Sở Giáo dục và Đào tạo)* để xem xét, chỉ đạo giải quyết theo đúng quy định./.

Nơi nhận:
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- BTT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi;
- Đài Phát thanh – Truyền hình Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, KGVX.n63

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Đặng Văn Minh

PHỤ LỤC 1

"Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Đính kèm Kế hoạch số 21 /KH-UBND ngày 07/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp/đơn vị thực hiện	Thời gian, giai đoạn thực hiện	Kinh phí và nguồn vốn			
						Kinh phí giai đoạn 2023-2025			Nguồn vốn
						2023	2024	2025	
1	Phát triển kho học liệu số và xây dựng hệ thống quản lý kho học liệu trực tuyến dành cho các cơ sở giáo dục phổ thông. Các cơ sở giáo dục phổ thông quản lý sách giáo khoa, tài liệu hiện có và lưu trữ sách giáo khoa điện tử, sách tham khảo điện tử phục vụ việc dạy, học đối với học sinh và giáo viên.	Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số thành hoạt động chủ yếu, hằng ngày của mỗi nhà giáo, người học. Hình thành kho học liệu trực tuyến; đảm bảo đủ điều kiện (phương tiện, đường truyền, phần mềm, kỹ năng) tham gia có hiệu quả hoạt động dạy và học trực tuyến.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng Giáo dục và Đào tạo; Tất cả các cơ sở giáo dục Tiểu học, THCS, THPT toàn ngành.	2023-2025	2.000	3.000	3.000	CTX từ NST.
2	Tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nguồn nhân lực số. Đảm bảo 80% nhà giáo, cán bộ quản lý được bồi dưỡng và 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng		Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện, thị xã, thành phố; các trường học trên địa bàn tỉnh	2023-2025	1.000	1.000	1.500	CTX từ NST.
3	Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Các trường mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có đầy đủ trang thiết bị phục vụ việc dạy, học và phục vụ quản lý		Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính; các Sở, ngành liên quan	2023-2025	1.125	2.290	5.625	CTX từ NST.

4	Xây dựng Bộ chỉ số chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo (Edu DTI); lộ trình thực hiện. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo hàng năm	Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Thông tin và Truyền thông; các Sở, Ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố	2023-2025	0	0	0	
5	Xây dựng, hoàn thiện và cập nhật đầy đủ CSDL về giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên lên phần mềm quản trị cơ sở giáo dục (do Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng); đồng thời kết nối dữ liệu đầy đủ lên Trung tâm điều hành thông minh IOC của tỉnh		Sở Giáo dục và Đào tạo	Tất cả các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên toàn tỉnh.	2023-2025	0	0	0	
6	Quản lý tuyển sinh đầu cấp: Quản lý quy trình; Đăng ký trực tuyến; Tra cứu trực tuyến thông tin; Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.		Sở Giáo dục và Đào tạo	Tất cả các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên toàn tỉnh.	2023-2025	3.500	600	600	CTX từ NST.
7	Số hóa hồ sơ tài liệu, hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo phục vụ khai thác của cá nhân, tổ chức tham gia giải quyết thủ tục hành chính		Sở Giáo dục và Đào tạo	Các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	2023-2025	1.000	1.000	1.000	CTX từ NST.
8	Bảo đảm an toàn thông tin đối với Hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt		Sở Giáo dục và Đào tạo	các Sở, ngành liên quan	2023-2025	100	100	100	CTX từ NST.
	Tổng cộng					**8.725**	**7.990**	**11.825**	
	Tổng giai đoạn 03 năm (2023, 2024, 2025)					**28.540**			

PHỤ LỤC 2

"Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

(Đính kèm Kế hoạch số 21 /KH-UBND ngày 09/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Mục tiêu đến năm 2030	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp/đơn vị thực hiện	Thời gian, giai đoạn thực hiện	Kinh phí và nguồn vốn					
						Kinh phí giai đoạn 2026-2030					Nguồn vốn
						2026	2027	2028	2029	2030	
1	Phát triển kho học liệu số và xây dựng hệ thống quản lý thư viện số 4.0 cho các trường học; kết nối liên thông kho học liệu số giữa các hệ thống thư viện của các trường, tỉnh và quốc gia.	Hoàn thiện một nền tảng dạy và học trực tuyến của tỉnh tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên;	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng Giáo dục và Đào tạo; Tất cả các cơ sở giáo dục Tiểu học, THCS, THPT toàn ngành	2026-2030	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	CTX từ NST
2	Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Các trường mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có đầy đủ trang thiết bị phục vụ việc dạy, học và phục vụ quản lý		Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính; các Sở, ngành liên quan	2026-2030	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	CTX từ NST

3	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử liên thông từ trường Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT và Phòng/Sở GDĐT; phục vụ hiệu quả việc cung cấp các thông tin của ngành, cung cấp các dịch vụ trực tuyến, dịch vụ công trực tuyến	100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành và liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng Giáo dục và Đào tạo; Tất cả các cơ sở giáo dục mầm non, Tiểu học, THCS, THPT và GDTX toàn ngành	2026-2030	1.000	0	0	0	1.000	CTX từ NST
4	Xây dựng hệ thống quản lý thi đua - khen thưởng cho toàn ngành, các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT, GDTX và Phòng/Sở GDĐT. Giúp cho các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý: Quản lý các quy trình trong quản lý đề tài, sáng kiến, thi đua khen thưởng ; Đăng ký trực tuyến; Tra cứu trực tuyến thông tin thi đua khen thưởng;		Sở Giáo dục và Đào tạo	Tất cả các cơ sở giáo dục mầm non, Tiểu học, THCS, THPT toàn ngành	2026-2030	500	500	0	0	0	CTX từ NST
5	Trang bị phần mềm trực tuyến hỗ trợ công tác kiểm tra nội bộ, thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo cho Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT, GDTX và Sở/phòng GDĐT.		Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng Giáo dục và Đào tạo; Tất cả các cơ sở giáo dục Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT và GDTX toàn ngành	2026-2030	0	500	500	0	0	CTX từ NST
6	Xây dựng, nâng cấp hệ thống quản lý văn bằng, chứng chỉ.		Sở GD&ĐT	Phòng Giáo dục và Đào tạo	2026-2030	5.000	5.000	5.000	0	0	CTX từ NST
7	Chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ; kết quả giải quyết thủ tục hành chính		Sở GD&ĐT	Các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo	2026-2030	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	CTX từ NST
8	Bảo đảm an toàn thông tin		Sở GD&ĐT	các Sở, ngành liên quan	2026-2030	200	200	200	200	200	CTX từ NST
	Tổng cộng:					**18.700**	**18.200**	**17.700**	**12.200**	**13.200**	
	Tổng giai đoạn 5 năm (2026-2030)					**80.000**					